TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN** **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **50**/2023/HNGĐ-ST
Ngày 25-7-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN, TỈNH THÁI NGUYÊN
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Vương Hồng Giang;

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Nguyễn Thị Minh Huệ và bà Bùi Thị Diễm Hạnh.

- *Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà:* Bà Vũ Hoàng Yến, Thư ký Toà án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 274/2023/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2023, về "tranh chấp ly hôn và nuôi con chung", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2023/QĐXX ngày 13/7/2023, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: Chị **Dương Thị N**, sinh năm 1990 (có mặt)

Địa chỉ: Tổ H, phường Q, TP ., tỉnh Thái Nguyên.

* *Bị đơn*: Anh **Lê Hoàng T**, sinh năm 1988 (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ H, phường Q, TP ., tỉnh Thái Nguyên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn, ản"*bản tự khai và tại phiên toà, nguyên đơn chị Dương Thị N trình bày:* Chị và anh Lê Hoàng T kết hôn năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Q, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên theo quy định. Sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian, đến năm 2022 vợ chồng bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân hay cãi vã lẫn nhau, không có tiếng nói chung, do bất đồng quan điểm sống, anh T không quan tâm đến vợ con, dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm không thể hàn gắn được, không mang lại hạnh phúc không cho hai bên. Nay chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị đề nghị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị N xác định có hai con chung tên là Lê Hoàng Gia B, sinh ngày 26/9/2012 và Lê Dương Khánh L, sinh ngày 19/4/2019. Sau khi ly hôn chị

N có nguyện vọng trực tiếp xin được nuôi dưỡng cả hai con chung, cho đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc đến khi các bên có sự thay đổi khác.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị N không yêu cầu anh T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị N xác định vợ chồng không có tài sản chung, không vay nợ chung và không cho ai vay, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại ản"*Bản tự khai và trong các phiên hoà giải, bị đơn anh Lê Hoàng T trình bày*: Về quan hệ hôn nhân và quá trình vợ chồng chung sống, anh T nhất trí với lời trình bày của chị Dương Thị N. Nay chị N xin ly hôn anh T nhất trí.

Về con chung: Anh T nhất trí với lời khai của chị N, nếu Toà án giải quyết ly hôn giữa anh với chị N, anh T nhất trí để chị N trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung Lê Hoàng Gia B, sinh ngày 26/9/2012 và Lê Dương Khánh L, sinh ngày 19/4/2019.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh T xác định không có, như lời trình bày của chị N.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án nhân dân thành phố Thái Nguyên đã tiến hành lấy lời khai của cháu Lê Hoàng Gia B, là con chung của chị N và anh T, hiện tại cháu B đã trên 07 tuổi. Tại bản tự khai của cháu B trình bày, có nguyện vọng được chung sống với mẹ đẻ là chị Dương Thị N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ kiện tranh chấp về hôn nhân và gia đình được quy định tại Điều 28, Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự; anh T có hộ khẩu thường trú tại tổ H, phường Q, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân thành phố Thái Nguyên.

Bị đơn anh Lê Hoàng T đã được Toà án triệu tập hợp lệ và có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh T.

[2] Về nội dung vụ án: Chị Dương Thị N và anh Lê Hoàng T kết hôn năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Q, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên, đây được coi là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình giải quyết vụ án, các bên đương sự đều thừa nhận, trong quá trình chung sống, vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, điều này chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã đến

mức trầm trọng. Mặt khác, khi Tòa án tiến hành hòa giải để các đương sự quay trở về đoàn tụ gia đình nuôi dạy con cái, nhưng chị N kiên quyết xin ly hôn, anh T cũng nhất trí, điều đó khẳng định tình cảm vợ chồng không còn. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, để giải phóng cho các bên đương sự, cần chấp nhận đơn xin ly hôn của chị N là phù hợp với thực tế.

[3] Về con chung: Chị N và anh T có hai con chung Lê Hoàng Gia B, sinh ngày 26/9/2012 và Lê Dương Khánh L, sinh ngày 19/4/2019. Chị N có nguyện vọng xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con, anh T nhất trí. Hội đồng xét xử xét thấy, chị N có thu nhập ổn định, có chỗ ở đảm bảo, đủ điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả hai con chung, cháu B đã trên 7 tuổi, có nguyện vọng được ở với mẹ. Xét thấy, giao hai con chung Lê Hoàng Gia B và Lê Dương Khánh L cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với thực tế, phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung không ai được cản trở.

[4] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung của vợ chồng: Hai bên đương sự xác định không có tài sản chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về nợ chung: Hai bên đương sự xác định không có nợ chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí: Chị Dương Thị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 và Điều 483 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51; 56; 58; Điều 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện ly hôn của chị Dương Thị N. Chị Dương Thị N được ly hôn anh Lê Hoàng T.

2. Về con chung: Giao hai con chung Lê Hoàng Gia B, sinh ngày 26/9/2012 và Lê Dương Khánh L, sinh ngày 19/4/2019 cho chị Dương Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các con đủ 18 tuổi, có khả năng lao động hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Anh Lê Hoàng T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết do đương sự không có yêu cầu.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết do đương sự không có yêu cầu.

5. Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban 7" \o "Thường"Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chị Dương Thị N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0000914 ngày 10/5/2023 của C ục"Cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Chị Dương Thị N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh Lê Hoàng T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được ản"bản án hoặc kể từ ngày ản"bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- VKSND TP. Thái Nguyên;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- THADS TP. Thái Nguyên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Vương Hồng Giang